

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2023/HS-ST
Ngày: 07-7-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đình Quang**

Ông Doãn Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông **Sùng A Tình** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trần Phú Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 126/2023/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Ngọc N**, sinh năm: 1995; Tên gọi khác: N; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Họ tên cha: Phạm Ngọc T, sinh năm: Không rõ (đã chết); Họ tên mẹ: Phạm Thị T1, sinh năm 1953; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 26/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xử 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/8/2021.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 12/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20/12/2013;

- Ngày 27/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành hình phạt tù vào ngày 26/01/2018.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 08/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Đ, *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

2. Họ và tên: **Lê Văn T2**, sinh năm: 1989; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Bình Dương; Nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Họ tên cha: Lê Văn N1, sinh năm: 1948; Họ tên mẹ: Tô Thị H, sinh năm 1950; Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 02/02/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào 28/7/2021.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 27/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chấp hành xong vào ngày 22/4/2019.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 08/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Đ, *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

- Bị hại: Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1987.

HKTT: Ấp R, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 08/3/2023 Phạm Ngọc N rủ Lê Văn T2 đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng thì được T2 đồng ý. Trước khi đi, Nam chuẩn bị 01 cây kéo, 01 cây kim và 01 cái mỏ lết, sau đó N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen-cam, biển số 59X2-224.11 chở T2 đi từ huyện V, tỉnh Đồng Nai về hướng xã H 3, huyện T, khi đi đến đoạn đường thuộc tổ B, ấp T, xã H 3, huyện T thì cả hai phát hiện kho hàng sản xuất bao bì của anh Đặng Văn Q không có người trông coi nên N dựng xe ở bên ngoài rồi cả hai cùng đi bộ vòng ra phía sau kho hàng thì phát hiện cửa sau kho hàng đã bị thủng 01 lỗ nên T2 và N chui qua lỗ thủng đi vào trong kho trộm cắp 02 cuộn bao bì vải màu vàng (tổng trọng lượng 80kg) mang ra ngoài đưa lên xe mô tô biển số 59X2-224.11 rồi cùng nhau chở đi tìm nơi tiêu thụ. Trong lúc N và T2

đang vận chuyển tài sản trộm cắp được thì bị lực lượng tuần tra của Công an xã H 3, huyện T phát hiện thu giữ cùng vật chứng.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 13/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 02 cuộn bao bì vải màu vàng, chưa thành phẩm nặng 80kg có giá trị là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm ngàn đồng)”.

Vật chứng thu giữ gồm: 02 cuộn bao bì vải màu vàng (mã hàng D08B2112JB2140); Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu sơn Đen - cam, số máy E0490961, số khung K020748; 01 cái biển số xe mô tô 59X2-224.11; 01 cái mỏ lết màu trắng dài khoảng 37 cm; 01 cây kim bọc nhựa màu đen đỏ dài khoảng 16 cm; 01 cây kéo tay cầm bọc nhựa màu đen, dài khoảng 20 cm và 01 USB màu xanh lưu giữ video clip có hình ảnh Phạm Ngọc N và Lê Văn T2 thực hiện hành vi đột nhập kho chiếm đoạt tài sản của anh Đặng Văn Q.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Phạm Ngọc N, Lê Văn T2 đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên phù hợp lời khai người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập tại hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 13/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 137/CT-VKS-TB ngày 16 tháng 5 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc N và Lê Văn T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Ngọc N từ 15 đến 18 tháng tù.; Bị cáo Lê Văn T2 từ 12 đến 15 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 cái mỏ lết màu trắng dài khoảng 37 cm, 01 cây kim bọc nhựa màu đen đỏ dài khoảng 16 cm và 01 cây kéo tay cầm bọc nhựa màu đen, dài khoảng 20 cm đây là các công cụ liên quan đến hành vi phạm tội. Đề nghị tòa án tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 USB màu xanh lưu giữ video clip có hình ảnh Phạm Ngọc N và Lê Văn T2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Đặng Văn Q. Đề nghị Tòa án lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 02 cuộn bao bì vải màu vàng (mã hàng D08B2112JB2140) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Đặng Văn Q.

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu sơn Đen - cam, số máy E0490961, số khung K020748 có biển số đăng ký là 60B4-858.80 do anh Phạm Trọng H1 làm chủ sở hữu và đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe, khi N lấy xe sử dụng làm phương tiện phạm tội thì anh H1 không biết nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh H1.

- Đối với biển số 59X2-224.11 là biển số đăng ký của xe mô tô hiệu SYM Attila, số máy: D029317, số khung: D029317 do chị Trần Thị D, trú tại khu phố E, huyện B, TP Hồ Chí Minh làm chủ sở hữu và đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe. Tuy nhiên anh H1 khai đã mua của chị Trần Thị D vào khoảng tháng 8/2022 với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), có làm giấy mua bán xe nhưng chưa làm thủ tục sang tên trên Chứng nhận đăng ký xe, việc bị cáo N tự ý thay đổi biển số của 02 xe mô tô nói trên với nhau và sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì anh H1 không biết. Hiện nay chưa làm việc được với chị D nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Văn Q đã nhận lại tài sản và cam kết không yêu cầu gì khác về phần dân sự của vụ án.

Bị cáo Phạm Ngọc N và Lê Văn T2 nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Bị cáo Phạm Ngọc N và bị cáo Lê Văn T2 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Vào ngày 08/3/2023, tại ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai Phạm Ngọc N và Lê Văn T2 có hành vi lén lút trộm cắp hai cuộn bao bì vải màu vàng (tổng trọng lượng 80kg) của anh Đặng Văn Q có giá trị là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy hành vi của các bị cáo Phạm Ngọc N và Lê Văn T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo Phạm Ngọc N và Lê Văn T2 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và có khả năng nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do có tư tưởng muốn hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Phạm Ngọc N là người khởi xướng, rủ rê và là người trực tiếp chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, còn bị cáo T2 chỉ là người giúp sức nên cần xử bị cáo Phạm Ngọc N hình phạt nặng hơn bị cáo Lê Văn T2. Mặt khác cả hai bị cáo N và T2 đều có nhân thân xấu, bị cáo N đã từng bị Tòa án xử về tội Trộm cắp tài sản và mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo T2 đã bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng hai bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để cải tạo, sửa đổi bản thân thành công dân tốt có ích cho xã hội mà lại thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng hình phạt tù mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo Phạm Ngọc N và Lê Văn T2 đều có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, các bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nên cả hai bị cáo đều bị áp dụng tình tiết “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Đặng Văn Q đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác nên không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 cái mỏ lết màu trắng dài khoảng 37 cm, 01 cây kìm bọc nhựa màu đen đỏ dài khoảng 16 cm và 01 cây kéo tay cầm bọc nhựa màu đen, dài khoảng 20 cm đây là các công cụ liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 USB màu xanh lưu giữ video clip có hình ảnh Phạm Ngọc N và Lê Văn T2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Đặng Văn Q nên cần lưu theo hồ sơ vụ án;

- Đối với 02 cuộn bao bì vải màu vàng (mã hàng D08B2112JB2140) là tài sản các bị cáo trộm cắp của anh Đặng Văn Q nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Đặng Văn Q là đúng quy định;

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu sơn Đen - cam, số máy E0490961, số khung K020748 có biển số đăng ký là 60B4-858.80 do anh Phạm Trọng H1 làm chủ sở hữu và đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe, khi N lấy xe sử dụng làm phương tiện phạm tội thì anh H1 không biết nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh H1;

- Đối với biển số 59X2-224.11 là biển số đăng ký của xe mô tô hiệu SYM Attila, số máy: D029317, số khung: D029317 do chị Trần Thị D, trú tại khu phố E, huyện B, TP Hồ Chí Minh làm chủ sở hữu và đứng tên trên Chứng nhận đăng ký xe. Tuy nhiên anh H1 khai đã mua của chị Trần Thị D vào khoảng tháng 8/2022 với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), có làm giấy mua bán xe nhưng chưa làm thủ tục sang tên trên Chứng nhận đăng ký xe, việc bị cáo N tự ý thay đổi biển số của 02 xe mô tô nói trên với nhau và sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì anh H1 không biết. Hiện nay chưa làm việc được với chị D nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc N và Lê Văn T2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc N 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2023.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2023.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cái mỏ lết màu trắng dài khoảng 37 cm đã qua sử dụng, 01 cây kìm bọc nhựa màu đen đỏ dài khoảng 16 cm đã qua sử dụng và 01 cây kéo tay cầm bọc nhựa màu đen, dài khoảng 20 cm đã qua sử dụng. (Các vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/5/2023 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom).

3. Về án phí tòa án: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc N và Lê Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Ngọc N và Lê Văn T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Đặng Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Q1 – D

Bùi Thị Bích Hồng